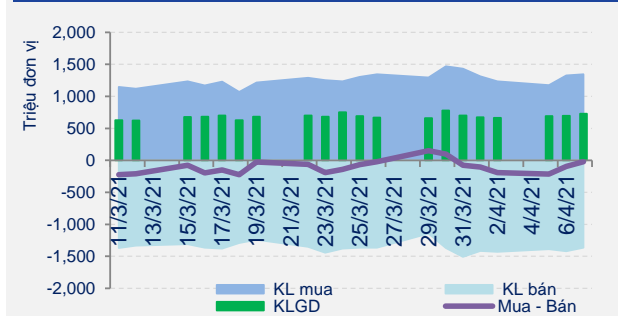
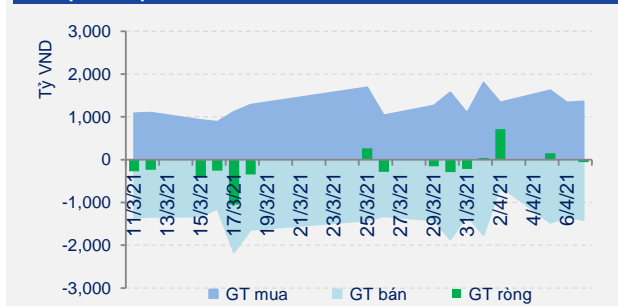


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 7/4/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,242.38	292.84
% Thay đổi	↑ 0.20%	↑ 0.40%
KLGD (CP)	727,816,148	163,971,746
GTGD (tỷ đồng)	16,522.11	2,825.17
Tổng cung (CP)	1,366,399,600	237,917,600
Tổng cầu (CP)	1,343,612,000	233,053,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	33,378,300	1,930,712
KL mua (CP)	33,277,400	875,121
GTmua (tỷ đồng)	1,357.79	8.39
GT bán (tỷ đồng)	1,415.47	34.62
GT ròng (tỷ đồng)	(57.68)	(26.23)

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.55%	17.3	3.0	1.2%
Công nghiệp	↑ 1.33%	18.6	2.6	12.3%
Dầu khí	↓ -0.16%	-	2.1	3.4%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.56%	-	5.4	3.7%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.06%	15.2	2.4	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ 0.00%	18.3	4.2	9.0%
Ngân hàng	↓ -0.04%	12.7	2.5	26.7%
Nguyên vật liệu	↑ 0.59%	17.4	2.3	11.3%
Tài chính	↑ 0.22%	20.8	3.4	28.2%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.15%	15.3	2.5	3.5%
VN - Index	↑ 0.20%	19.3	3.0	
HNX - Index	↑ 0.40%	18.6	4.0	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trong phiên thứ tám liên tiếp với thanh khoản tiếp tục ở mức cao. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 2,42 điểm (+0,2%) lên 1.242,38 điểm; HNX-Index tăng 1,16 điểm (+0,4%) lên 292,84 điểm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 17.595 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 834 triệu cổ phiếu. Độ rộng thị trường là tích cực với 472 mã tăng, 104 mã giảm, 241 mã giảm. Thị trường giảm điểm trong nửa đầu phiên sáng trước áp lực chốt lời ngắn hạn, nhưng lực cầu gia tăng ngay sau đó đã giúp chỉ số VN-Index lấy lại sắc xanh. Trong phiên ATC, cầu gia tăng giúp chỉ số kết phiên ở mức cao nhất. VN-Index có phiên thứ 8 tăng điểm liên tiếp. VIC (+0,6%) và MSN (+2,1%) là 2 mã đứng đầu Top 10 cổ phiếu có tác động tích cực nhất đến đà tăng của chỉ số. Tiếp theo sau là NVL (+1,5%), BVH (+2,9%), POW (+3,7%), MBB (+1,3%), VRE (+1,1%), GEX (+6,9%)... Trong khi đó, VHM (-1,2%) và VNM (-1,4%) dẫn đầu nhóm cổ phiếu có tác động tiêu cực đến VN-Index. Đối với HNX-Index, sự quay trở lại của SHB (+0,8%) đã giúp cho chỉ số này tăng điểm sau 2 phiên điều chỉnh liên tiếp. Nhiều cổ phiếu penny tiếp tục bứt phá mạnh như LCM (+6,9%), PXT (+6,8%), DLG (+6,7%), TGG (+7%), FTM (+6,9%), MCG (+6,8%), KMR (+6,9%), PXI (+6,7%), TDG (+6,9%), TCR (+6,9%)...

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường duy trì được đà tăng đến phiên thứ tám liên tiếp, qua đó giúp chỉ số VN-Index thu hẹp khoảng cách đến mục tiêu của sóng tăng 5 quanh 1.250+- điểm. Có thể nhận thấy là áp lực chốt lời ngắn hạn đã xuất hiện trong ba phiên gần đây khiến mức tăng bị thu hẹp lại. Thanh khoản khớp lệnh trong các phiên này đều cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy dòng tiền vẫn vào thị trường vẫn tốt, kết hợp với mức tăng của thị trường cho thấy bên mua vẫn đang nắm quyền chủ động trước bên bán. Trên góc độ kỹ thuật, thị trường đang bước vào giai đoạn cuối của sóng 5 với target dự kiến quanh ngưỡng 1.250+- điểm và thời gian hoàn thành sóng dự kiến trong nửa đầu tháng 4/2021. Nên đây là thời điểm quan trọng để quan sát thị trường có vượt được ngưỡng 1.250+- điểm hay sẽ điều chỉnh tại đây. Trong phiên giao dịch tiếp theo, thị trường có thể tiếp tục tăng điểm để tiến đến mục tiêu của sóng tăng 5. Nhà đầu tư trung hạn quan sát thị trường và có thể canh chốt lời dần khi thị trường đạt ngưỡng 1.250+- điểm. Nhà đầu tư ngắn hạn đã mua vào trong phiên 24/3, 25/3, 26/3 khi thị trường điều chỉnh về MA50 nắm giữ danh mục để hưởng đến mục tiêu của sóng 5 quanh 1.250+- điểm.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

7/4/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giảm điểm vào đầu phiên sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.232,52 điểm. Nhưng từ khoảng 10h30 trở đi, lực cầu gia tăng tốt giúp chỉ số lấy lại sắc xanh. Trong phiên ATC, cầu tăng giúp chỉ số kết phiên ở mức cao nhất. Kết phiên, VN-Index tăng 2,42 điểm (+0,2%) lên 1.242,38 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC tăng 700 đồng, MSN tăng 1.900 đồng, NVL tăng 1.300 đồng. Ở chiều ngược lại, VHM giảm 1.200 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 293,261 điểm. Cũng có thời điểm vào khoảng 10h, chỉ số điều chỉnh xuống dưới tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 291,051 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 1,16 điểm (+0,4%) lên 292,84 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: SHB tăng 200 đồng, IDC tăng 1.300 đồng, OCH tăng 800 đồng. Ở chiều ngược lại, NVB giảm 600 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 60,06 tỷ đồng. CTG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 181,9 tỷ đồng tương ứng với 4,2 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VNM với 90,8 tỷ đồng tương ứng với 904 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, FUEVFNVD là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 94,2 tỷ đồng tương ứng với 4,6 triệu chứng chỉ quỹ.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 26,21 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 1,1 triệu cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 12,7 tỷ đồng tương ứng với 525 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là APS với 4,3 tỷ đồng tương ứng với 399 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, ACM là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 1,2 tỷ đồng tương ứng với 408 nghìn cổ phiếu.

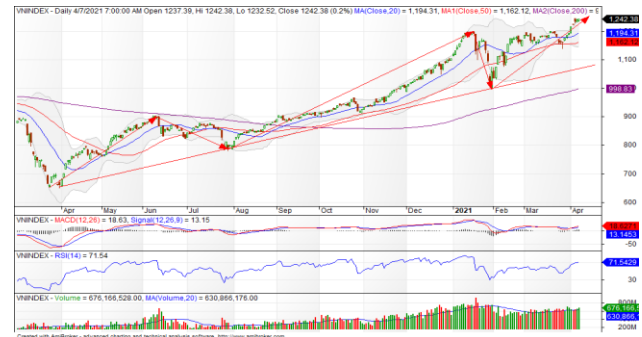
TIN KINH TẾ VĨ MÔ

IMF nâng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu lên 6%, Việt Nam lên 6,5% trong năm nay

Ngày 6/4, một lần nữa Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã tăng dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu lên mức 6% trong năm 2021. Đáng chú ý, đây là tốc độ tăng trưởng cao nhất kể từ những năm 1970, chủ yếu nhờ các chính sách chưa từng có của các quốc gia nhằm ứng phó với đại dịch Covid-19.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng trong phiên thứ tám liên tiếp với khối lượng khớp lệnh tăng nhẹ so với phiên trước đó và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên trong phiên hôm nay vẫn là tương đối tốt.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật hiện tại vẫn là kịch bản sóng Elliott với sóng tăng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% của sóng tăng 1) và sóng điều chỉnh 4 cũng đã kết thúc với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% của sóng tăng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement của 50% sóng tăng 3). Thực tế thì thị trường đã giảm dưới ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm một chút rồi hồi phục trở lại trong phiên 29/1.

Vì sóng điều chỉnh 4 giảm mạnh hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng tăng 5 sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng tăng 1 tức là khoảng 250 điểm (từ 650 điểm lên 900 điểm) với target là quanh ngưỡng 1.250 điểm có thể đạt được trong nửa đầu tháng 4/2021.

Xu hướng trung hạn tiếp tục được đánh giá tích cực với việc thị trường đang nằm trong sóng tăng 5 từ cuối tháng 1/2021 đến nay và chưa có dấu hiệu kết thúc (sóng tăng 5 chỉ xác nhận là kết thúc khi nó đạt đến target quanh 1.250 điểm vào nửa đầu tháng 4/2021 hoặc điều chỉnh thủng ngưỡng 1.000 điểm - đáy của sóng điều chỉnh 4). Trong phiên giao dịch tiếp theo, thị trường có thể tiếp tục tăng điểm để tiến đến mục tiêu của sóng tăng 5 quanh 1.250 điểm

Ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.195 điểm (MA20) và xa hơn quanh 1.165 điểm (MA50) là điểm mua tốt cho các vị thế trong ngắn hạn nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về đây. Tuy nhiên, xác suất thị trường điều chỉnh về đây trước khi hoàn tất sóng tăng 5 là khá thấp.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 54,85 - 55,2 triệu đồng/lượng, giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 150.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 8 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 7/4 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.229 VND/USD, giảm 8 đồng so với hôm qua.

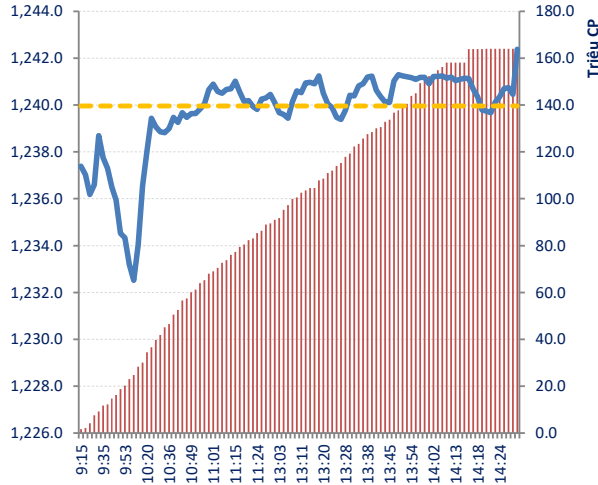
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 3,95 USD/ounce tương ứng với 0,22% xuống 1.739,25 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,036 điểm tương ứng 0,04% xuống 92,310 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1882 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3824 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 109,86 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,33 USD/thùng tương ứng với 0,56% xuống 59,01 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 6/4, chỉ số Dow Jones giảm 96,95 điểm tương ứng 0,29% xuống 33.430,24 điểm; chỉ số Nasdaq giảm 7,21 điểm tương ứng 0,05% xuống 13.698,38 điểm; chỉ số S&P 500 giảm 3,97 điểm tương ứng 0,1% xuống 4.073,94 điểm.

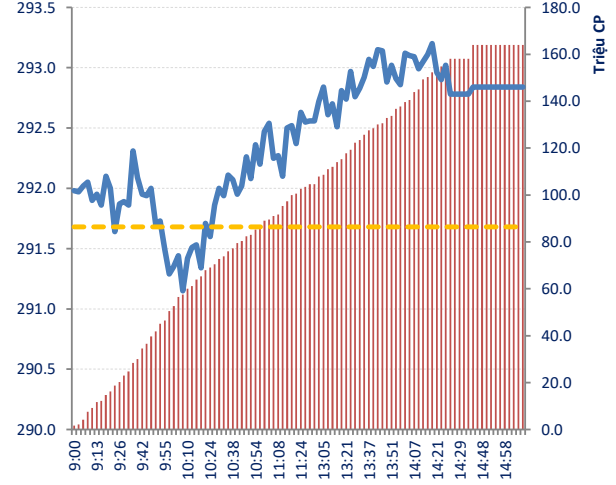


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

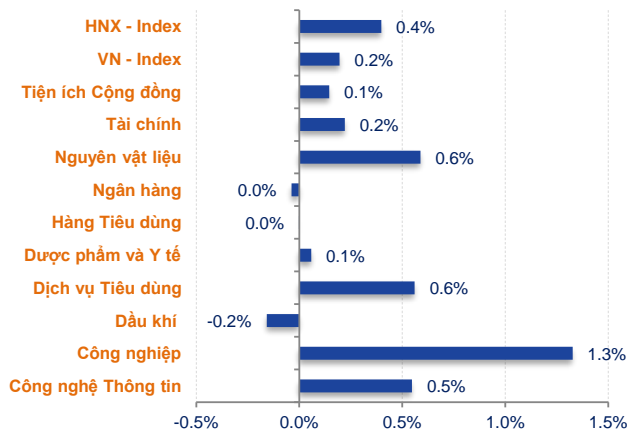
KLGD và VN-Index trong phiên



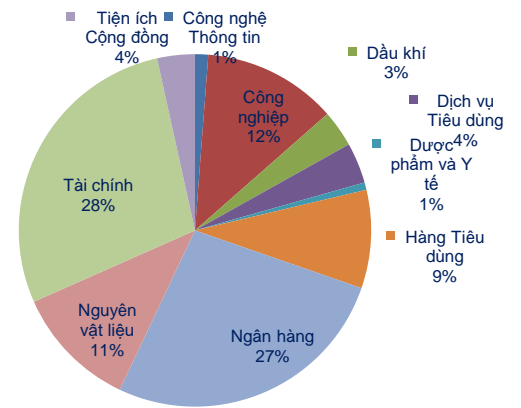
KLGD và HNX-Index trong phiên



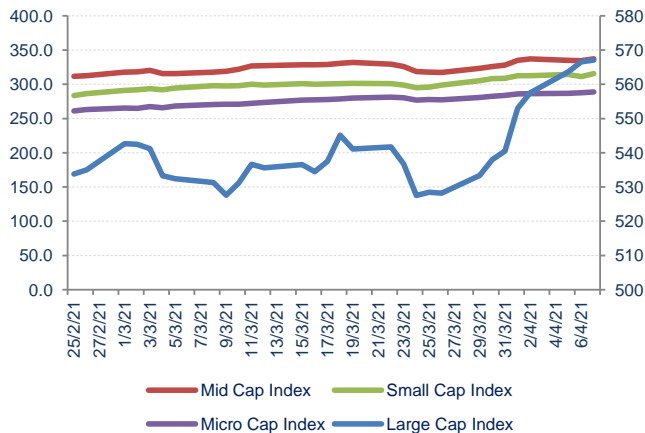
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



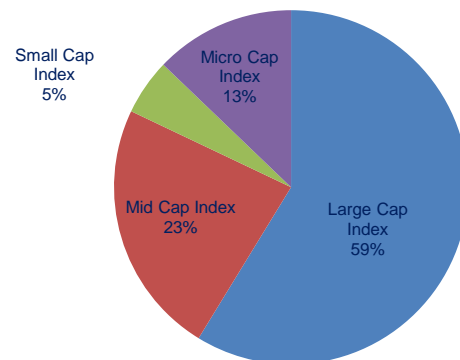
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEVFNVD	4,566,500	CTG	4,203,200
2	VRE	1,791,100	ROS	1,346,900
3	MBB	1,272,300	DXG	937,000
4	HDB	1,161,100	VNM	904,100
5	STB	1,032,800	DLG	711,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ACM	407,600	PVS	525,118
2	HUT	52,000	APS	399,000
3	PSD	41,500	PVC	200,000
4	SHB	40,400	PMB	102,100
5	SD4	39,200	API	100,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
STB	22.75	22.30	↓ -1.98%	52,147,800
FLC	12.20	11.50	↓ -5.74%	34,153,900
DLG	2.84	3.03	↑ 6.69%	30,646,400
POW	13.45	13.95	↑ 3.72%	23,912,700
MBB	31.40	31.80	↑ 1.27%	23,684,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	4.10	4.40	↑ 7.32%	15,282,471
PVS	24.30	24.00	↓ -1.23%	13,880,858
SHB	24.80	25.00	↑ 0.81%	12,985,825
VND	33.30	34.00	↑ 2.10%	8,929,760
ART	11.70	11.10	↓ -5.13%	8,475,787

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TGG	2.86	3.06	0.20	↑ 6.99%
OGC	7.29	7.80	0.51	↑ 7.00%
TDG	3.89	4.16	0.27	↑ 6.94%
KMR	3.60	3.85	0.25	↑ 6.94%
HBC	18.00	19.25	1.25	↑ 6.94%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SVN	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
KSQ	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
MCO	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
TXM	5.00	5.50	0.50	↑ 10.00%
VGP	31.30	34.40	3.10	↑ 9.90%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BTT	49.50	46.10	-3.40	↓ -6.87%
VAF	12.55	11.70	-0.85	↓ -6.77%
TTE	11.30	10.55	-0.75	↓ -6.64%
CLW	29.10	27.20	-1.90	↓ -6.53%
FLC	12.20	11.50	-0.70	↓ -5.74%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
QST	13.00	11.00	-2.00	↓ -15.38%
TPP	13.00	11.80	-1.20	↓ -9.23%
BBS	13.00	11.90	-1.10	↓ -8.46%
PBP	10.70	9.80	-0.90	↓ -8.41%
TKC	9.70	8.90	-0.80	↓ -8.25%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	52,147,800	9.6%	1,487	15.3	1.4
FLC	34,153,900	3250.0%	225	54.2	0.6
DLG	30,646,400	-30.1%	(2,987)	-	0.3
POW	23,912,700	7.2%	937	14.4	1.0
MBB	23,684,400	18.4%	2,984	10.5	1.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	15,282,471	0.1%	13	321.9	0.4
PVS	13,880,858	4.8%	1,306	18.6	0.9
SHB	12,985,825	12.3%	1,552	16.0	1.8
VND	8,929,760	19.6%	3,318	10.0	1.9
ART	8,475,787	0.1%	16	722.7	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TGG	↑ 7.0%	-1.5%	(158)	-	0.3
OGC	↑ 7.0%	11.2%	371	19.6	1.8
TDG	↑ 6.9%	0.3%	34	115.6	0.3
KMR	↑ 6.9%	0.0%	3	1,176.6	0.3
HBC	↑ 6.9%	1.9%	323	55.8	1.0

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SVN	↑ 10.0%	0.0%	2	2,910.8	0.6
KSQ	↑ 10.0%	0.2%	17	237.2	0.4
MCO	↑ 10.0%	0.2%	20	201.1	0.3
TXM	↑ 10.0%	0.3%	52	96.7	0.3
VGP	↑ 9.9%	9.0%	2,005	15.6	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UEVFN	4,566,500	N/A	N/A	N/A	N/A
VRE	1,791,100	8.5%	1,048	33.4	2.7
MBB	1,272,300	18.4%	2,984	10.5	1.8
HDB	1,161,100	18.8%	2,667	10.3	1.8
STB	1,032,800	9.6%	1,487	15.3	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ACM	407,600	0.0%	2	1,191.3	0.4
HUT	52,000	-7.6%	(875)	-	0.6
PSD	41,500	14.9%	1,673	11.2	1.7
SHB	40,400	12.3%	1,552	16.0	1.8
SD4	39,200	0.3%	48	144.7	0.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	429,569	4.3%	1,586	80.1	3.2
VCB	377,935	21.1%	4,975	20.5	4.0
VHM	334,544	35.6%	8,315	12.2	3.8
VNM	212,130	35.0%	5,313	19.1	6.3
BID	184,007	8.9%	1,740	26.3	2.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	68,950	61.8%	7,827	25.2	13.0
SHB	43,413	12.3%	1,552	16.0	1.8
BAB	20,617	7.3%	830	35.1	2.5
VCS	15,360	39.1%	9,061	10.6	4.0
IDC	11,640	7.0%	1,005	38.6	2.7

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KPF	2.79	9.8%	875	14.7	1.1
DRH	2.59	5.8%	792	16.4	0.9
EVG	2.43	2.6%	275	54.6	1.3
FTM	2.23	-51.5%	(3,995)	-	0.5
PXS	2.22	0.8%	45	166.4	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
LUT	3.50	0.0%	5	1,413.4	0.6
TDT	2.73	9.7%	1,127	12.4	1.1
ACM	2.65	0.0%	2	1,191.3	0.4
HHG	2.63	-20.6%	(1,899)	-	0.5
VIG	2.55	-2.0%	(113)	-	1.2



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
